



ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN SINH – KHỐI 12 KHTN
Thời gian làm bài : 50 phút

MÃ ĐỀ 621

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1. Tế bào của tất cả các loài sinh vật hiện nay đều sử dụng chung một loại mã di chuyển, đều dùng cùng 20 loại axit amin để cấu tạo nên prôtêin, chứng tỏ chúng tiến hóa từ một tổ tiên chung. Đây là một trong những bằng chứng tiến hóa về:

- A. phôi sinh học B. địa lý sinh vật học C. sinh học phân tử D. giải phẫu so sánh

Câu 2. Cơ quan tương đồng là những cơ quan

- A. có nguồn gốc khác nhau nhưng đảm nhiệm những chức phận giống nhau, có hình thái tương tự.
B. cùng nguồn gốc, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có thể thực hiện các chức năng khác nhau.

C. cùng nguồn gốc, đảm nhiệm những chức phận giống nhau.

D. có nguồn gốc khác nhau, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau.

Câu 3. Cơ quan tương tự là những cơ quan

- A. có nguồn gốc khác nhau nhưng đảm nhiệm những chức phận giống nhau, có hình thái tương tự.
B. cùng nguồn gốc, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau.
C. cùng nguồn gốc, đảm nhiệm những chức phận giống nhau.
D. có nguồn gốc khác nhau, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau

Câu 4. Cơ quan thoái hóa là cơ quan

- A. phát triển không đầy đủ ở cơ thể trưởng thành. B. biến mất hoàn toàn
C. thay đổi cấu tạo phù hợp chức năng. D. thay đổi cấu tạo.

Câu 5. Để kết luận về mối quan hệ họ hàng giữa các loài, trong các bằng chứng sau, bằng chứng nào có sức thuyết phục cao nhất?

- A. Bằng chứng sinh học phân tử và tế bào. B. Bằng chứng giải phẫu học so sánh.
C. Bằng chứng phôi sinh học. D. Bằng chứng địa lý sinh vật học.

Câu 6. Theo Đacuyn, cơ sở của quá trình tiến hóa là gì?

- A. chọn lọc nhân tạo. B. biến dị và di truyền.
C. chọn lọc tự nhiên. D. phân li tính trạng.

Câu 7. Trong những nhân tố sau, có bao nhiêu nhân tố có thể làm nghèo vốn gen của quần thể?

1. Chọn lọc tự nhiên 2. Đột biến
3. giao phối không ngẫu nhiên 4. Yếu tố ngẫu nhiên
5. Di – nhập gen

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 8. Theo quan hiện đại, quá trình hình thành quần thể thích nghi xảy ra nhanh hay chậm không phụ thuộc vào

- A. Tốc độ tích lũy những biến đổi thu được trong đời cá thể do ảnh hưởng trực tiếp của ngoại cảnh.
B. Áp lực của chọn lọc tự nhiên.
C. Tốc độ sinh sản của loài.
D. Quá trình phát sinh và tích lũy các gen đột biến ở mỗi loài.



Câu 9. Cách li tập tính biểu hiện chủ yếu ở

- A. khác nhau về tập quán giao phối.
- B. khác nhau về thời gian giao phối.
- C. khác nhau về cấu tạo cơ quan sinh sản.
- D. khác nhau về nơi sống hay môi trường.

Câu 10. Trong một khu vườn có trồng đồng thời mướp và bí. Hạt phấn của hoa mướp rơi trên đầu nhụy của hoa bí, sau đó hạt phấn mướp nảy mầm thành ống phấn nhưng do chiều dài ống phấn ngắn hơn vòi nhụy của bí nên không xảy ra quá trình thụ tinh. Đây là ví dụ về:

- A. Cách li nơi ở.
- B. Cách li tập tính.
- C. Cách li thời gian.
- D. Cách li cơ học.

Câu 11. Khi nói về quá trình hình thành loài mới, phát biểu nào sau đây là *sai*?

- A. Hình thành loài mới nhờ cơ chế lai xa và đa bội hóa diễn ra phổ biến ở cả động vật và thực vật.
- B. Quá trình hình thành loài mới có thể diễn ra trong cùng khu vực địa lí hoặc khác khu vực địa lí.
- C. Hình thành loài mới bằng cách li sinh thái thường xảy ra đối với các loài động vật ít di chuyển.
- D. Quá trình hình thành loài mới bằng con đường cách li địa lí thường xảy ra một cách chậm chạp qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp

Câu 12. Trong một hồ ở Châu Phi, người ta thấy có hai loài cá giống nhau về một số đặc điểm hình thái và chỉ khác nhau về màu sắc, một loài màu đỏ và một loài có màu xám. Mặc dù, cùng sống trong một hồ nhưng chúng không giao phối được với nhau. Tuy nhiên, khi các nhà khoa học nuôi các cá thể của hai loài này trong một bể cá có chiếu ánh sáng đơn sắc làm chúng cùng màu thì các cá thể của hai loài lại giao phối với nhau và sinh con. Ví dụ trên thể hiện con đường hình thành loài bằng

- A. cách li tập tính.
- B. cách li địa lí.
- C. cách li sinh thái.
- D. cách li sinh sản.

Câu 13. Hình thành loài mới bằng con đường lai xa và đa bội hoá thường gặp ở

- A. vi sinh vật.
- B. thực vật.
- C. động vật và vi sinh vật.
- D. động vật.

Câu 14. Dạng cách li cần thiết để các nhóm cá thể đã phân hóa tích lũy biến dị di truyền theo hướng khác nhau, làm cho thành phần kiểu gen sai khác nhau ngày càng nhiều là

- A. cách li trước hợp tử.
- B. cách li sau hợp tử
- C. cách li di truyền
- D. cách li địa lí

Câu 15. Tại sao trên các đảo và quần đảo đại dương hay tồn tại những loài đặc trưng không có ở nơi nào khác trên trái đất?

- A. Do cách li địa lí và chọn lọc tự nhiên diễn ra trong môi trường đặc trưng của đảo qua thời gian dài
- B. Do các loài này có nguồn gốc từ trên đảo và không có điều kiện phát tán đi nơi khác
- C. Do cách li sinh sản giữa các quần thể trên từng đảo nên mỗi đảo hình thành loài đặc trưng
- D. Do trong cùng điều kiện tự nhiên, chọn lọc tự nhiên diễn ra theo hướng tương tự nhau

Câu 16. Phát biểu nào dưới đây nói về vai trò của cách li địa trong quá trình hình thành loài là đúng nhất?

- A. Môi trường địa lí khác nhau là nguyên nhân chính làm phân hoá thành phần kiểu gen của quần thể
- B. Cách li địa lí luôn luôn dẫn đến cách li sinh sản
- C. Cách li địa lí có thể dẫn đến hình thành loài mới qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp
- D. Không có cách li địa lí thì không thể hình thành loài mới

Câu 17. Nội dung nào sau đây nói về cách li sau hợp tử?

- A. Các cá thể giao phối với nhau tạo ra hợp tử, nhưng hợp tử không phát triển thành con lai.
- B. Các cá thể có cấu tạo cơ quan sinh sản khác nhau, nên không giao phối với nhau.
- C. Các cá thể sống ở những sinh cảnh khác nhau, nên không giao phối với nhau.
- D. Các cá thể có những tập tính giao phối riêng, nên thường không giao phối với nhau.

Câu 18. Trong các cơ chế cách li sinh sản, cách li trước hợp tử thực chất là

- A. ngăn cản sự thụ tinh tạo thành hợp tử.
- B. ngăn cản hợp tử phát triển thành con lai.
- C. ngăn cản con lai hình thành giao tử.
- D. ngăn cản hợp tử phát triển thành con lai hữu thụ.

Câu 19. Để phân biệt 2 cá thể thuộc cùng một loài hay thuộc hai loài khác nhau thì tiêu chuẩn nào sau đây là quan trọng nhất?

- A. Cách li sinh sản B. Hình thái C. Sinh lí, sinh hoá D. Sinh thái

Câu 20. Vai trò chủ yếu của cách li trong quá trình tiến hóa là

- A. phân hóa khả năng sinh sản của các kiểu gen. B. nguồn nguyên liệu sơ cấp cho chọn lọc.
C. tạo nguyên liệu thứ cấp cho tiến hóa nhỏ. D. củng cố và tăng cường phân hóa kiểu gen.

Câu 21. Đa số đột biến là có hại vì

- A. thường làm mất đi khả năng sinh sản của cơ thể.
B. phá vỡ các mối quan hệ hài hoà trong kiểu gen, giữa kiểu gen với môi trường.
C. làm mất đi nhiều gen.
D. biểu hiện ngẫu nhiên, không định hướng.

Câu 22. Vai trò chính của quá trình đột biến là đã tạo ra

- A. nguồn nguyên liệu sơ cấp cho quá trình tiến hoá.
B. nguồn nguyên liệu thứ cấp cho quá trình tiến hoá.
C. những tính trạng khác nhau giữa các cá thể cùng loài.
D. sự khác biệt giữa con cái với bố mẹ.

Câu 23. Nhân tố có thể làm biến đổi tần số alen của quần thể một cách nhanh chóng, đặc biệt khi kích thước quần thể nhỏ bị giảm đột ngột là

- A. đột biến. B. di nhập gen. C. các yếu tố ngẫu nhiên D. giao phối không ngẫu nhiên.

Câu 24. Giao phối không ngẫu nhiên thường làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể theo hướng

- A. làm giảm tính đa hình quần thể. B. giảm kiểu gen dị hợp tử, tăng kiểu gen đồng hợp tử.
C. thay đổi tần số alen của quần thể. D. tăng kiểu gen dị hợp tử, giảm kiểu gen đồng hợp tử.

Câu 25. Đacuyn quan niệm biến dị cá thể là

- A. những biến đổi trên cơ thể sinh vật dưới tác động của ngoại cảnh và tập quán hoạt động.
B. sự phát sinh những sai khác giữa các cá thể trong loài qua quá trình sinh sản.
C. những biến đổi trên cơ thể sinh vật dưới tác động của ngoại cảnh và tập quán hoạt động nhưng di truyền được.

D. những đột biến phát sinh do ảnh hưởng của ngoại cảnh

Câu 26. Theo Đacuyn, động lực thúc đẩy chọn lọc tự nhiên là

- A. đấu tranh sinh tồn.
B. đột biến là nguyên liệu quan trọng cho chọn lọc tự nhiên.
C. đột biến làm thay đổi tần số tương đối của các alen trong quần thể.
D. đột biến là nguyên nhân chủ yếu tạo nên tính đa hình về kiểu gen trong quần thể.

Câu 27. Theo Đacuyn, kết quả của chọn lọc tự nhiên là

- A. tạo nên loài sinh vật có khả năng thích nghi với môi trường
B. sự đào thải tất cả các biến dị không thích nghi.
C. sự sinh sản ưu thế của các cá thể thích nghi.
D. tạo nên sự đa dạng trong sinh giới.

Câu 28. Theo Đacuyn, nhân tố chính quy định chiều hướng và tốc độ biến đổi của các giống vật nuôi, cây trồng là

- A. chọn lọc nhân tạo. B. chọn lọc tự nhiên. C. biến dị cá thể. D. biến dị xác định.

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1. Nêu khái niệm và vai trò của nhân tố tiến hoá: chọn lọc tự nhiên (1 điểm)

Câu 2. Nêu các tiêu chuẩn phân biệt 2 loài thân thuộc (1 điểm)

Câu 3. Nêu 2 ví dụ cách li trước hợp tử và 2 ví dụ cách li sau hợp tử (1 điểm)

...Hết...

Họ tên HS : Số báo danh : Lớp :





ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN SINH – KHỐI 12 KHTN
Thời gian làm bài : 50 phút

MÃ ĐỀ 622

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1. Cách li tập tính biểu hiện chủ yếu ở

- A. khác nhau về tập quán giao phối. B. khác nhau về thời gian giao phối.
C. khác nhau về cấu tạo cơ quan sinh sản. D. khác nhau về nơi sống hay môi trường.

Câu 2. Trong một hồ ở Châu Phi, người ta thấy có hai loài cá giống nhau về một số đặc điểm hình thái và chỉ khác nhau về màu sắc, một loài màu đỏ và một loài có màu xám. Mặc dù, cùng sống trong một hồ nhưng chúng không giao phối được với nhau. Tuy nhiên, khi các nhà khoa học nuôi các cá thể của hai loài này trong một bể cá có chiếu ánh sáng đơn sắc làm chúng cùng màu thì các cá thể của hai loài lại giao phối với nhau và sinh con. Ví dụ trên thể hiện con đường hình thành loài bằng

- A. cách li tập tính. B. cách li địa lí. C. cách li sinh thái. D. cách li sinh sản.

Câu 3. Cơ quan tương đồng là những cơ quan

- A. có nguồn gốc khác nhau nhưng đảm nhiệm những chức phận giống nhau, có hình thái tương tự.
B. cùng nguồn gốc, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có thể thực hiện các chức năng khác nhau.
C. cùng nguồn gốc, đảm nhiệm những chức phận giống nhau.
D. có nguồn gốc khác nhau, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau.

Câu 4. Cơ quan tương tự là những cơ quan

- A. có nguồn gốc khác nhau nhưng đảm nhiệm những chức phận giống nhau, có hình thái tương tự.
B. cùng nguồn gốc, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau.
C. cùng nguồn gốc, đảm nhiệm những chức phận giống nhau.
D. có nguồn gốc khác nhau, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau

Câu 5. Cơ quan thoái hóa là cơ quan

- A. phát triển không đầy đủ ở cơ thể trưởng thành. B. biến mất hoàn toàn
C. thay đổi cấu tạo phù hợp chức năng. D. thay đổi cấu tạo.

Câu 6. Giao phối không ngẫu nhiên thường làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể theo hướng

- A. làm giảm tính đa hình quần thể. B. giảm kiểu gen dị hợp tử, tăng kiểu gen đồng hợp tử.
C. thay đổi tần số alen của quần thể. D. tăng kiểu gen dị hợp tử, giảm kiểu gen đồng hợp tử.

Câu 7. Đacuyn quan niệm biến dị cá thể là

- A. những biến đổi trên cơ thể sinh vật dưới tác động của ngoại cảnh và tập quán hoạt động.
B. sự phát sinh những sai khác giữa các cá thể trong loài qua quá trình sinh sản.
C. những biến đổi trên cơ thể sinh vật dưới tác động của ngoại cảnh và tập quán hoạt động nhưng di truyền được.
D. những đột biến phát sinh do ảnh hưởng của ngoại cảnh

Câu 8. Để kết luận về mối quan hệ họ hàng giữa các loài, trong các bằng chứng sau, bằng chứng nào có sức thuyết phục cao nhất?

- A. Bằng chứng sinh học phân tử và tế bào. B. Bằng chứng giải phẫu học so sánh.
C. Bằng chứng phôi sinh học. D. Bằng chứng địa lí sinh vật học.

Câu 9. Theo Đacuyn, cơ sở của quá trình tiến hóa là gì?

- A. chọn lọc nhân tạo. B. biến dị và di truyền.
C. chọn lọc tự nhiên. D. phân li tính trạng.

Câu 10. Tế bào của tất cả các loài sinh vật hiện nay đều sử dụng chung một loại mã di truyền, điều dùng

- cùng 20 loại axit amin để cấu tạo nên prôtêin, chứng tỏ chúng tiến hóa từ một tổ tiên chung. Đây là một trong những bằng chứng tiến hóa về:

- A. phôi sinh học B. địa lý sinh vật học C. sinh học phân tử D. giải phẫu so sánh



Câu 11. Hình thành loài mới bằng con đường lai xa và đa bội hoá thường gặp ở

- A. vi sinh vật. B. thực vật. C. động vật và vi sinh vật. D. động vật.

Câu 12. Dạng cách li cần thiết để các nhóm cá thể đã phân hóa tích lũy biến dị di truyền theo hướng khác nhau, làm cho thành phần kiểu gen sai khác nhau ngày càng nhiều là

- A. cách li trước hợp tử B. cách li sau hợp tử
C. cách li di truyền D. cách li địa lí

Câu 13. Tại sao trên các đảo và quần đảo đại dương hay tồn tại những loài đặc trưng không có ở nơi nào khác trên trái đất?

- A.
Do cách li địa lí và chọn lọc tự nhiên diễn ra trong môi trường đặc trưng của đảo qua thời gian dài
B. Do các loài này có nguồn gốc từ trên đảo và không có điều kiện phát tán đi nơi khác
C. Do cách li sinh sản giữa các quần thể trên từng đảo nên mỗi đảo hình thành loài đặc trưng
D. Do trong cùng điều kiện tự nhiên, chọn lọc tự nhiên diễn ra theo hướng tương tự nhau

Câu 14. Phát biểu nào dưới đây nói về vai trò của cách li địa trong quá trình hình thành loài là đúng nhất?

- A. Môi trường địa lí khác nhau là nguyên nhân chính làm phân hoá thành phần kiểu gen của quần thể
B. Cách li địa lí luôn luôn dẫn đến cách li sinh sản
C. Cách li địa lí có thể dẫn đến hình thành loài mới qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp
D. Không có cách li địa lí thì không thể hình thành loài mới

Câu 15. Trong những nhân tố sau, có bao nhiêu nhân tố có thể làm nghèo vốn gen của quần thể?

1. Chọn lọc tự nhiên 2. Đột biến
3. giao phối không ngẫu nhiên 4. Yếu tố ngẫu nhiên
5. Di – nhập gen

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 16. Theo quan hiện đại, quá trình hình thành quần thể thích nghi xảy ra nhanh hay chậm không phụ thuộc vào

- A. Tốc độ tích lũy những biến đổi thu được trong đời cá thể do ảnh hưởng trực tiếp của ngoại cảnh.
B. Áp lực của chọn lọc tự nhiên.
C. Tốc độ sinh sản của loài.
D. Quá trình phát sinh và tích lũy các gen đột biến ở mỗi loài.

Câu 17. Nội dung nào sau đây nói về cách li sau hợp tử?

- A. Các cá thể giao phối với nhau tạo ra hợp tử, nhưng hợp tử không phát triển thành con lai.
B. Các cá thể có cấu tạo cơ quan sinh sản khác nhau, nên không giao phối với nhau.
C. Các cá thể sống ở những sinh cảnh khác nhau, nên không giao phối với nhau.
D. Các cá thể có những tập tính giao phối riêng, nên thường không giao phối với nhau.

Câu 18. Trong một khu vườn có trồng đồng thời mướp và bí. Hạt phấn của hoa mướp rơi trên đầu nhụy của hoa bí, sau đó hạt phấn mướp nảy mầm thành ống phấn nhưng do chiều dài ống phấn ngắn hơn vòi nhụy của bí nên không xảy ra quá trình thụ tinh. Đây là ví dụ về:

- A. Cách li nơi ở. B. Cách li tập tính. C. Cách li thời gian. D. Cách li cơ học.

Câu 19. Khi nói về quá trình hình thành loài mới, phát biểu nào sau đây là *sai*?

- A. Hình thành loài mới nhờ cơ chế lai xa và đa bội hóa diễn ra phổ biến ở cả động vật và thực vật.
B. Quá trình hình thành loài mới có thể diễn ra trong cùng khu vực địa lí hoặc khác khu vực địa lí.
C. Hình thành loài mới bằng cách li sinh thái thường xảy ra đối với các loài động vật ít di chuyển.
D. Quá trình hình thành loài mới bằng con đường cách li địa lí thường xảy ra một cách chậm chạp qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp

Câu 20. Vai trò chủ yếu của cách li trong quá trình tiến hóa là

- A. phân hóa khả năng sinh sản của các kiểu gen. B. nguồn nguyên liệu sơ cấp cho chọn lọc.
C. tạo nguyên liệu thứ cấp cho tiến hóa nhỏ. D. củng cố và tăng cường phân hóa kiểu gen.

Câu 21. Đa số đột biến là có hại vì

- A. thường làm mất đi khả năng sinh sản của cơ thể.
- B. phá vỡ các mối quan hệ hài hoà trong kiểu gen, giữa kiểu gen với môi trường.
- C. làm mất đi nhiều gen.
- D. biểu hiện ngẫu nhiên, không định hướng.

Câu 22. Vai trò chính của quá trình đột biến là đã tạo ra

- A. nguồn nguyên liệu sơ cấp cho quá trình tiến hoá.
- B. nguồn nguyên liệu thứ cấp cho quá trình tiến hoá.
- C. những tính trạng khác nhau giữa các cá thể cùng loài.
- D. sự khác biệt giữa con cái với bố mẹ.

Câu 23. Nhân tố có thể làm biến đổi tần số alen của quần thể một cách nhanh chóng, đặc biệt khi kích thước quần thể nhỏ bị giảm đột ngột là

- A. đột biến.
- B. di nhập gen.
- C. các yếu tố ngẫu nhiên
- D. giao phối không ngẫu nhiên.

Câu 24. Theo Đacuyn, động lực thúc đẩy chọn lọc tự nhiên là

- A. đấu tranh sinh tồn.
- B. đột biến là nguyên liệu quan trọng cho chọn lọc tự nhiên.
- C. đột biến làm thay đổi tần số tương đối của các alen trong quần thể.
- D. đột biến là nguyên nhân chủ yếu tạo nên tính đa hình về kiểu gen trong quần thể.

Câu 25. Theo Đacuyn, kết quả của chọn lọc tự nhiên là

- A. tạo nên loài sinh vật có khả năng thích nghi với môi trường
- B. sự đào thải tất cả các biến dị không thích nghi.
- C. sự sinh sản ưu thế của các cá thể thích nghi.
- D. tạo nên sự đa dạng trong sinh giới.

Câu 26. Theo Đacuyn, nhân tố chính quy định chiều hướng và tốc độ biến đổi của các giống vật nuôi, cây trồng là

- A. chọn lọc nhân tạo.
- B. chọn lọc tự nhiên.
- C. biến dị cá thể.
- D. biến dị xác định.

Câu 27. Trong các cơ chế cách li sinh sản, cách li trước hợp tử thực chất là

- A. ngăn cản sự thụ tinh tạo thành hợp tử.
- B. ngăn cản hợp tử phát triển thành con lai.
- C. ngăn cản con lai hình thành giao tử.
- D. ngăn cản hợp tử phát triển thành con lai hữu thụ.

Câu 28. Để phân biệt 2 cá thể thuộc cùng một loài hay thuộc hai loài khác nhau thì tiêu chuẩn nào sau đây là quan trọng nhất?

- A. Cách li sinh sản
- B. Hình thái
- C. Sinh lí, sinh hoá
- D. Sinh thái

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1. Nêu khái niệm và vai trò của nhân tố tiến hoá: chọn lọc tự nhiên (1 điểm)

Câu 2. Nêu các tiêu chuẩn phân biệt 2 loài thân thuộc (1 điểm)

Câu 3. Nêu 2 ví dụ cách li trước hợp tử và 2 ví dụ cách li sau hợp tử (1 điểm)



...Hết...

Họ tên HS : Số báo danh : Lớp :



ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN SINH – KHỐI 12 KHTN
Thời gian làm bài : 50 phút

MÃ ĐỀ 623

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1. Trong một khu vườn có trồng đồng thời mướp và bí. Hạt phần của hoa mướp rơi trên đầu nhụy của hoa bí, sau đó hạt phần mướp nảy mầm thành ống phần nhưng do chiều dài ống phần ngắn hơn vòi nhụy của bí nên không xảy ra quá trình thụ tinh. Đây là ví dụ về:

- A. Cách li nơi ở. B. Cách li tập tính. C. Cách li thời gian. D. Cách li cơ học.

Câu 2. Hình thành loài mới bằng con đường lai xa và đa bội hoá thường gặp ở

- A. vi sinh vật. B. thực vật. C. động vật và vi sinh vật. D. động vật.

Câu 3. Dạng cách li cần thiết để các nhóm cá thể đã phân hóa tích lũy biến dị di truyền theo hướng khác nhau, làm cho thành phần kiểu gen sai khác nhau ngày càng nhiều là

- A. cách li trước hợp tử B. cách li sau hợp tử
C. cách li di truyền D. cách li địa lí

Câu 4. Theo Đacuyn, động lực thúc đẩy chọn lọc tự nhiên là

- A. đấu tranh sinh tồn.
B. đột biến là nguyên liệu quan trọng cho chọn lọc tự nhiên.
C. đột biến làm thay đổi tần số tương đối của các alen trong quần thể.
D. đột biến là nguyên nhân chủ yếu tạo nên tính đa hình về kiểu gen trong quần thể.

Câu 5. Theo Đacuyn, kết quả của chọn lọc tự nhiên là

- A. tạo nên loài sinh vật có khả năng thích nghi với môi trường
B. sự đào thải tất cả các biến dị không thích nghi.
C. sự sinh sản ưu thế của các cá thể thích nghi.
D. tạo nên sự đa dạng trong sinh giới.

Câu 6. Theo Đacuyn, nhân tố chính quy định chiều hướng và tốc độ biến đổi của các giống vật nuôi, cây trồng là

- A. chọn lọc nhân tạo. B. chọn lọc tự nhiên. C. biến dị cá thể. D. biến dị xác định.

Câu 7. Tại sao trên các đảo và quần đảo đại dương hay tồn tại những loài đặc trưng không có ở nơi nào khác trên trái đất?

A. Do cách li địa lí và chọn lọc tự nhiên diễn ra trong môi trường đặc trưng của đảo qua thời gian dài

- B. Do các loài này có nguồn gốc từ trên đảo và không có điều kiện phát tán đi nơi khác
C. Do cách li sinh sản giữa các quần thể trên từng đảo nên mỗi đảo hình thành loài đặc trưng
D. Do trong cùng điều kiện tự nhiên, chọn lọc tự nhiên diễn ra theo hướng tương tự nhau

Câu 8. Phát biểu nào dưới đây nói về vai trò của cách li địa trong quá trình hình thành loài là đúng nhất?

A. Môi trường địa lí khác nhau là nguyên nhân chính làm phân hoá thành phần kiểu gen của quần thể

- B. Cách li địa lí luôn luôn dẫn đến cách li sinh sản
C. Cách li địa lí có thể dẫn đến hình thành loài mới qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp
D. Không có cách li địa lí thì không thể hình thành loài mới

Câu 9. Để phân biệt 2 cá thể thuộc cùng một loài hay thuộc hai loài khác nhau thì tiêu chuẩn nào sau đây là quan trọng nhất?

- A. Cách li sinh sản B. Hình thái C. Sinh lí, sinh hoá D. Sinh thái

Câu 10. Tế bào của tất cả các loài sinh vật hiện nay đều sử dụng chung một loại mã di truyền, đều dùng cùng 20 loại axit amin để cấu tạo nên prôtêin, chứng tỏ chúng tiến hóa từ một tổ tiên chung. Đây là một trong những bằng chứng tiến hóa về:

- A. phôi sinh học B. địa lý sinh vật học C. sinh học phân tử D. giải phẫu so sánh

Câu 11. Cơ quan tương đồng là những cơ quan

A. có nguồn gốc khác nhau nhưng đảm nhiệm những chức phận giống nhau, có hình thái tương tự.
B. cùng nguồn gốc, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có thể thực hiện các chức năng khác nhau.

C. cùng nguồn gốc, đảm nhiệm những chức phận giống nhau.

D. có nguồn gốc khác nhau, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau.

Câu 12. Nội dung nào sau đây nói về cách li sau hợp tử?

A. Các cá thể giao phối với nhau tạo ra hợp tử, nhưng hợp tử không phát triển thành con lai.

B. Các cá thể có cấu tạo cơ quan sinh sản khác nhau, nên không giao phối với nhau.

C. Các cá thể sống ở những sinh cảnh khác nhau, nên không giao phối với nhau.

D. Các cá thể có những tập tính giao phối riêng, nên thường không giao phối với nhau.

Câu 13. Trong các cơ chế cách li sinh sản, cách li trước hợp tử thực chất là

A. ngăn cản sự thụ tinh tạo thành hợp tử. B. ngăn cản hợp tử phát triển thành con lai.

C. ngăn cản con lai hình thành giao tử.

D. ngăn cản hợp tử phát triển thành con lai hữu thụ.

Câu 14. Cơ quan tương tự là những cơ quan

A. có nguồn gốc khác nhau nhưng đảm nhiệm những chức phận giống nhau, có hình thái tương tự.

B. cùng nguồn gốc, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau.

C. cùng nguồn gốc, đảm nhiệm những chức phận giống nhau.

D. có nguồn gốc khác nhau, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau

Câu 15. Cơ quan thoái hóa là cơ quan

A. phát triển không đầy đủ ở cơ thể trưởng thành.

B. biến mất hoàn toàn

C. thay đổi cấu tạo phù hợp chức năng.

D. thay đổi cấu tạo.

Câu 16. Đacuyn quan niệm biến dị cá thể là

A. những biến đổi trên cơ thể sinh vật dưới tác động của ngoại cảnh và tập quán hoạt động.

B. sự phát sinh những sai khác giữa các cá thể trong loài qua quá trình sinh sản.

C. những biến đổi trên cơ thể sinh vật dưới tác động của ngoại cảnh và tập quán hoạt động nhưng di truyền được.

D. những đột biến phát sinh do ảnh hưởng của ngoại cảnh

Câu 17. Khi nói về quá trình hình thành loài mới, phát biểu nào sau đây là *sai*?

A. Hình thành loài mới nhờ cơ chế lai xa và đa bội hóa diễn ra phổ biến ở cả động vật và thực vật.

B. Quá trình hình thành loài mới có thể diễn ra trong cùng khu vực địa lí hoặc khác khu vực địa lí.

C. Hình thành loài mới bằng cách li sinh thái thường xảy ra đối với các loài động vật ít di chuyển.

D. Quá trình hình thành loài mới bằng con đường cách li địa lí thường xảy ra một cách chậm chạp qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp.

Câu 18. Để kết luận về mối quan hệ họ hàng giữa các loài, trong các bằng chứng sau, bằng chứng nào có sức thuyết phục cao nhất?

A. Bằng chứng sinh học phân tử và tế bào.

B. Bằng chứng giải phẫu học so sánh.

C. Bằng chứng phôi sinh học.

D. Bằng chứng địa lí sinh vật học.

Câu 19. Theo Đacuyn, cơ sở của quá trình tiến hóa là gì?

A. chọn lọc nhân tạo.

B. biến dị và di truyền.

C. chọn lọc tự nhiên.

D. phân li tính trạng.

Câu 20. Trong những nhân tố sau, có bao nhiêu nhân tố có thể làm nghèo vốn gen của quần thể?

1. Chọn lọc tự nhiên

2. Đột biến

3. giao phối không ngẫu nhiên

4. Yếu tố ngẫu nhiên

5. Di – nhập gen

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 21. Vai trò chủ yếu của cách li trong quá trình tiến hóa là

A. phân hóa khả năng sinh sản của các kiểu gen. B. nguồn nguyên liệu sơ cấp cho chọn lọc.

C. tạo nguyên liệu thứ cấp cho tiến hóa nhỏ.

D. củng cố và tăng cường phân hóa kiểu gen.

Câu 22. Đa số đột biến là có hại vì

A. thường làm mất đi khả năng sinh sản của cơ thể.

B. phá vỡ các mối quan hệ hài hoà trong kiểu gen, giữa kiểu gen với môi trường.

C. làm mất đi nhiều gen.

D. biểu hiện ngẫu nhiên, không định hướng.

Câu 23. Theo quan hiện đại, quá trình hình thành quần thể thích nghi xảy ra nhanh hay chậm không phụ thuộc vào

- A. Tốc độ tích lũy những biến đổi thu được trong đời cá thể do ảnh hưởng trực tiếp của ngoại cảnh.
- B. Áp lực của chọn lọc tự nhiên.
- C. Tốc độ sinh sản của loài.
- D. Quá trình phát sinh và tích lũy các gen đột biến ở mỗi loài.

Câu 24. Cách li tập tính biểu hiện chủ yếu ở

- A. khác nhau về tập quán giao phối.
- B. khác nhau về thời gian giao phối.
- C. khác nhau về cấu tạo cơ quan sinh sản.
- D. khác nhau về nơi sống hay môi trường.

Câu 25. Vai trò chính của quá trình đột biến là đã tạo ra

- A. nguồn nguyên liệu sơ cấp cho quá trình tiến hoá.
- B. nguồn nguyên liệu thứ cấp cho quá trình tiến hoá.
- C. những tính trạng khác nhau giữa các cá thể cùng loài.
- D. sự khác biệt giữa con cái với bố mẹ.

Câu 26. Nhân tố có thể làm biến đổi tần số alen của quần thể một cách nhanh chóng, đặc biệt khi kích thước quần thể nhỏ bị giảm đột ngột là

- A. đột biến.
- B. di nhập gen.
- C. các yếu tố ngẫu nhiên.
- D. giao phối không ngẫu nhiên.

Câu 27. Giao phối không ngẫu nhiên thường làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể theo hướng

- A. làm giảm tính đa hình quần thể.
- B. giảm kiểu gen dị hợp tử, tăng kiểu gen đồng hợp tử.
- C. thay đổi tần số alen của quần thể.
- D. tăng kiểu gen dị hợp tử, giảm kiểu gen đồng hợp tử.

Câu 28. Trong một hồ ở Châu Phi, người ta thấy có hai loài cá giống nhau về một số đặc điểm hình thái và chỉ khác nhau về màu sắc, một loài màu đỏ và một loài có màu xám. Mặc dù, cùng sống trong một hồ nhưng chúng không giao phối được với nhau. Tuy nhiên, khi các nhà khoa học nuôi các cá thể của hai loài này trong một bể cá có chiếu ánh sáng đơn sắc làm chúng cùng màu thì các cá thể của hai loài lại giao phối với nhau và sinh con. Ví dụ trên thể hiện con đường hình thành loài bằng

- A. cách li tập tính.
- B. cách li địa lí.
- C. cách li sinh thái.
- D. cách li sinh sản.

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1. Nêu khái niệm và vai trò của nhân tố tiến hoá: chọn lọc tự nhiên (1 điểm)

Câu 2. Nêu các tiêu chuẩn phân biệt 2 loài thân thuộc (1 điểm)

Câu 3. Nêu 2 ví dụ cách li trước hợp tử và 2 ví dụ cách li sau hợp tử (1 điểm)



...Hết...

Họ tên HS :..... Số báo danh :..... Lớp :.....



ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN SINH – KHỐI 12 KHTN
Thời gian làm bài : 50 phút

MÃ ĐỀ 624

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1. Vai trò chính của quá trình đột biến là đã tạo ra

- A. nguồn nguyên liệu sơ cấp cho quá trình tiến hoá.
- B. nguồn nguyên liệu thứ cấp cho quá trình tiến hoá.
- C. những tính trạng khác nhau giữa các cá thể cùng loài.
- D. sự khác biệt giữa con cái với bố mẹ.

Câu 2. Hình thành loài mới bằng con đường lai xa và đa bội hoá thường gặp ở

- A. vi sinh vật.
- B. thực vật.
- C. động vật và vi sinh vật.
- D. động vật.

Câu 3. Phát biểu nào dưới đây nói về vai trò của cách li địa trong quá trình hình thành loài là đúng nhất?

- A. Môi trường địa lí khác nhau là nguyên nhân chính làm phân hoá thành phần kiểu gen của quần thể
- B. Cách li địa lí luôn luôn dẫn đến cách li sinh sản
- C. Cách li địa lí có thể dẫn đến hình thành loài mới qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp
- D. Không có cách li địa lí thì không thể hình thành loài mới

Câu 4. Dạng cách li cần thiết để các nhóm cá thể đã phân hóa tích lũy biến dị di truyền theo hướng khác nhau, làm cho thành phần kiểu gen sai khác nhau ngày càng nhiều là

- A. cách li trước hợp tử
- B. cách li sau hợp tử
- C. cách li di truyền
- D. cách li địa lí

Câu 5. Nhân tố có thể làm biến đổi tần số alen của quần thể một cách nhanh chóng, đặc biệt khi kích thước quần thể nhỏ bị giảm đột ngột là

- A. đột biến.
- B. di nhập gen.
- C. các yếu tố ngẫu nhiên
- D. giao phối không ngẫu nhiên.

Câu 6. Theo Đacuyn, động lực thúc đẩy chọn lọc tự nhiên là

- A. đấu tranh sinh tồn.
- B. đột biến là nguyên liệu quan trọng cho chọn lọc tự nhiên.
- C. đột biến làm thay đổi tần số tương đối của các alen trong quần thể.
- D. đột biến là nguyên nhân chủ yếu tạo nên tính đa hình về kiểu gen trong quần thể.

Câu 7. Trong một khu vườn có trồng đồng thời mướp và bí. Hạt phấn của hoa mướp rơi trên đầu nhụy của hoa bí, sau đó hạt phấn mướp này mầm thành ống phấn nhưng do chiều dài ống phấn ngắn hơn vòi nhụy của bí nên không xảy ra quá trình thụ tinh. Đây là ví dụ về:

- A. Cách li nơi ở.
- B. Cách li tập tính.
- C. Cách li thời gian.
- D. Cách li cơ học.

Câu 8. Khi nói về quá trình hình thành loài mới, phát biểu nào sau đây là *sai*?

- A. Hình thành loài mới nhờ cơ chế lai xa và đa bội hóa diễn ra phổ biến ở cả động vật và thực vật.
- B. Quá trình hình thành loài mới có thể diễn ra trong cùng khu vực địa lí hoặc khác khu vực địa lí.
- C. Hình thành loài mới bằng cách li sinh thái thường xảy ra đối với các loài động vật ít di chuyển.
- D. Quá trình hình thành loài mới bằng con đường cách li địa lí thường xảy ra một cách chậm chạp qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp

Câu 9. Theo Đacuyn, kết quả của chọn lọc tự nhiên là

- A. tạo nên loài sinh vật có khả năng thích nghi với môi trường
- B. sự đào thải tất cả các biến dị không thích nghi.
- C. sự sinh sản ưu thế của các cá thể thích nghi.
- D. tạo nên sự đa dạng trong sinh giới.

Câu 10. Cơ quan thoái hóa là cơ quan

- A. phát triển không đầy đủ ở cơ thể trưởng thành.
- B. biến mất hoàn toàn
- C. thay đổi cấu tạo phù hợp chức năng.
- D. thay đổi cấu tạo.



Câu 11. Để kết luận về mối quan hệ họ hàng giữa các loài, trong các bằng chứng sau, bằng chứng nào có sức thuyết phục cao nhất?

A. Bằng chứng sinh học phân tử và tế bào.

B. Bằng chứng giải phẫu học so sánh.

C. Bằng chứng phôi sinh học.

D. Bằng chứng địa lí sinh vật học.

Câu 12. Theo Đacuyn, cơ sở của quá trình tiến hóa là gì?

A. chọn lọc nhân tạo.

B. biến dị và di truyền.

C. chọn lọc tự nhiên.

D. phân li tính trạng.

Câu 13. Trong những nhân tố sau, có bao nhiêu nhân tố có thể làm nghèo vốn gen của quần thể?

1. Chọn lọc tự nhiên

2. Đột biến

3. giao phối không ngẫu nhiên

4. Yếu tố ngẫu nhiên

5. Di – nhập gen

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 14. Theo Đacuyn, nhân tố chính quy định chiều hướng và tốc độ biến đổi của các giống vật nuôi, cây trồng là

A. chọn lọc nhân tạo.

B. chọn lọc tự nhiên.

C. biến dị cá thể.

D. biến dị xác định.

Câu 15. Tế bào của tất cả các loài sinh vật hiện nay đều sử dụng chung một loại mã di truyền, đều dùng cùng 20 loại axit amin để cấu tạo nên prôtêin, chứng tỏ chúng tiến hóa từ một tổ tiên chung. Đây là một trong những bằng chứng tiến hóa về:

A. phôi sinh học

B. địa lý sinh vật học

C. sinh học phân tử

D. giải phẫu so sánh

Câu 16. Cơ quan tương đồng là những cơ quan

A. có nguồn gốc khác nhau nhưng đảm nhiệm những chức phận giống nhau, có hình thái tương tự.

B. cùng nguồn gốc, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có thể thực hiện các chức năng khác nhau.

C. cùng nguồn gốc, đảm nhiệm những chức phận giống nhau.

D. có nguồn gốc khác nhau, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau.

Câu 17. Cơ quan tương tự là những cơ quan

A. có nguồn gốc khác nhau nhưng đảm nhiệm những chức phận giống nhau, có hình thái tương tự.

B. cùng nguồn gốc, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau.

C. cùng nguồn gốc, đảm nhiệm những chức phận giống nhau.

D. có nguồn gốc khác nhau, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau

Câu 18. Theo quan hiện đại, quá trình hình thành quần thể thích nghi xảy ra nhanh hay chậm không phụ thuộc vào

A. Tốc độ tích lũy những biến đổi thu được trong đời cá thể do ảnh hưởng trực tiếp của ngoại cảnh.

B. Áp lực của chọn lọc tự nhiên.

C. Tốc độ sinh sản của loài.

D. Quá trình phát sinh và tích lũy các gen đột biến ở mỗi loài.

Câu 19. Cách li tập tính biểu hiện chủ yếu ở

A. khác nhau về tập quán giao phối.

B. khác nhau về thời gian giao phối.

C. khác nhau về cấu tạo cơ quan sinh sản.

D. khác nhau về nơi sống hay môi trường.

Câu 20. Trong một hồ ở Châu Phi, người ta thấy có hai loài cá giống nhau về một số đặc điểm hình thái và chỉ khác nhau về màu sắc, một loài màu đỏ và một loài có màu xám. Mặc dù, cùng sống trong một hồ nhưng chúng không giao phối được với nhau. Tuy nhiên, khi các nhà khoa học nuôi các cá thể của hai loài này trong một bể cá có chiếu ánh sáng đơn sắc làm chúng cùng màu thì các cá thể của hai loài lại giao phối với nhau và sinh con. Ví dụ trên thể hiện con đường hình thành loài bằng

A. cách li tập tính. B. cách li địa lí. C. cách li sinh thái. D. cách li sinh sản.

Câu 21. Tại sao trên các đảo và quần đảo đại dương hay tồn tại những loài đặc trưng không có ở nơi nào khác trên trái đất?

A. Do cách li địa lí và chọn lọc tự nhiên diễn ra trong môi trường đặc trưng của đảo qua thời gian dài

B. Do các loài này có nguồn gốc từ trên đảo và không có điều kiện phát tán đi nơi khác

C. Do cách li sinh sản giữa các quần thể trên từng đảo nên mỗi đảo hình thành loài đặc trưng

D. Do trong cùng điều kiện tự nhiên, chọn lọc tự nhiên diễn ra theo hướng tương tự nhau

Câu 22. Nội dung nào sau đây nói về cách li sau hợp tử?

- A. Các cá thể giao phối với nhau tạo ra hợp tử, nhưng hợp tử không phát triển thành con lai.
- B. Các cá thể có cấu tạo cơ quan sinh sản khác nhau, nên không giao phối với nhau.
- C. Các cá thể sống ở những sinh cảnh khác nhau, nên không giao phối với nhau.
- D. Các cá thể có những tập tính giao phối riêng, nên thường không giao phối với nhau.

Câu 23. Vai trò chủ yếu của cách li trong quá trình tiến hóa là

- A. phân hóa khả năng sinh sản của các kiểu gen.
- B. nguồn nguyên liệu sơ cấp cho chọn lọc.
- C. tạo nguyên liệu thứ cấp cho tiến hóa nhỏ.
- D. củng cố và tăng cường phân hóa kiểu gen.

Câu 24. Trong các cơ chế cách li sinh sản, cách li trước hợp tử thực chất là

- A. ngăn cản sự thụ tinh tạo thành hợp tử.
- B. ngăn cản hợp tử phát triển thành con lai.
- C. ngăn cản con lai hình thành giao tử.
- D. ngăn cản hợp tử phát triển thành con lai hữu thụ.

Câu 25. Giao phối không ngẫu nhiên thường làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể theo hướng

- A. làm giảm tính đa hình quần thể.
- B. giảm kiểu gen dị hợp tử, tăng kiểu gen đồng hợp tử.
- C. thay đổi tần số alen của quần thể.
- D. tăng kiểu gen dị hợp tử, giảm kiểu gen đồng hợp tử.

Câu 26. Đacuyn quan niệm biến dị cá thể là

- A. những biến đổi trên cơ thể sinh vật dưới tác động của ngoại cảnh và tập quán hoạt động.
- B. sự phát sinh những sai khác giữa các cá thể trong loài qua quá trình sinh sản.
- C. những biến đổi trên cơ thể sinh vật dưới tác động của ngoại cảnh và tập quán hoạt động nhưng di truyền được.
- D. những đột biến phát sinh do ảnh hưởng của ngoại cảnh

Câu 27. Để phân biệt 2 cá thể thuộc cùng một loài hay thuộc hai loài khác nhau thì tiêu chuẩn nào sau đây là quan trọng nhất?

- A. Cách li sinh sản
- B. Hình thái
- C. Sinh lí, sinh hoá
- D. Sinh thái

Câu 28. Đa số đột biến là có hại vì

- A. thường làm mất đi khả năng sinh sản của cơ thể.
- B. phá vỡ các mối quan hệ hài hoà trong kiểu gen, giữa kiểu gen với môi trường.
- C. làm mất đi nhiều gen.
- D. biểu hiện ngẫu nhiên, không định hướng.



II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1. Nêu khái niệm và vai trò của nhân tố tiến hoá: chọn lọc tự nhiên (1 điểm)

Câu 2. Nêu các tiêu chuẩn phân biệt 2 loài thân thuộc (1 điểm)

Câu 3. Nêu 2 ví dụ cách li trước hợp tử và 2 ví dụ cách li sau hợp tử (1 điểm)

...Hết...

Họ tên HS : Số báo danh : Lớp :



ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2020-2021
MÔN SINH – KHỐI 12 KHTN

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu	Đề 621	Đề 622	Đề 623	Đề 624
1	C	A	D	A
2	B	A	B	B
3	A	B	D	C
4	A	A	A	D
5	A	A	A	C
6	B	B	A	A
7	C	B	A	D
8	A	A	C	A
9	A	B	A	A
10	D	C	C	A
11	A	B	B	A
12	A	D	A	B
13	B	A	A	C
14	D	C	A	A
15	A	C	A	C
16	C	A	B	B
17	A	A	A	A
18	A	D	A	A
19	A	A	B	A
20	D	D	C	A
21	B	B	D	A
22	A	A	B	A
23	C	C	A	D
24	B	A	A	A
25	B	A	A	B
26	A	A	C	B
27	A	A	B	A
28	A	A	A	B

* Mỗi câu đúng HS được 0,25 điểm.

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu hỏi	Đáp án
Câu 1. Nêu khái niệm và vai trò của nhân tố tiến hoá: chọn lọc tự nhiên (1 điểm)	* Chọn lọc tự nhiên: là quá trình phân hóa khả năng sống sót và khả năng sinh sản của các cá thể với các kiểu gen khác nhau trong quần thể (0,5 điểm) * <u>Vai trò</u>: - CLTN đóng vai trò sàng lọc và làm tăng số lượng cá thể có KH thích nghi tồn tại sẵn trong quần thể cũng như tăng cường mức độ thích nghi của các đặc điểm bằng cách tích lũy các alen tham gia qui định các đặc điểm thích nghi (0,5 điểm)
Câu 2. Nêu các tiêu chuẩn phân biệt 2 loài thân thuộc (1 điểm)	1. Tiêu chuẩn hình thái: hai loài khác nhau thường có sự khác nhau về mặt hình thái (0,25 điểm) 2. Tiêu chuẩn địa lý, sinh thái - Hai loài chiếm 2 khu phân bố địa lý khác nhau, hoặc cùng khu phân bố nhưng mỗi loài thích nghi với những điều kiện sinh thái nhất định. (0,25 điểm) 3. Tiêu chuẩn sinh lý – sinh hóa Protein ở các loài khác nhau có những đặc tính khác nhau. (0,25 điểm) 4. Tiêu chuẩn cách ly sinh sản (cách ly di truyền). Mỗi loài sinh vật có một bộ nhiễm sắc thể đặc trưng về số lượng, hình thái và cách sắp xếp các gen trên (0,25 điểm)
Câu 3. Nêu 2 ví dụ cách li trước hợp tử và 2 ví dụ cách li sau hợp tử (1điểm)	Câu hỏi mở HS nêu mỗi ví dụ đúng được 0,25 điểm